



sān fēn zhī èr

三分之二

fraction · two-thirds

Example Sentences

Tā chī diào le dàn gāo de sān fēn zhī èr
他吃掉了蛋糕的三分之二。

He ate two-thirds of the cake.

bān shàng sān fēn zhī èr de xué shēng dōu tōng guò le kǎo shì
班上三分之二的学生都通过了考试。

Two-thirds of the students in the class passed the exam.

Trace each character, then write the word on your own.

三	三	三	三	三	三														
分	分	分	分	分	分	分													
之	之	之	之	之	之														
二	二	二	二	二															